

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày 18/4/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương.
2. Ông Quàng Văn Màng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Công - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 02 năm 2022, 24 tháng 03 năm 2022 và ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông NVX, sinh 1963. Địa chỉ: TK 3, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông QVN, sinh năm 1934, bà QTK, sinh năm 1932. Địa chỉ: Bản CT, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh QVB, sinh năm 1980, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/01/2022). Địa chỉ: Bản CT, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị QTO, sinh năm 1984. Địa chỉ: Bản T, xã CX. Thành phố SL, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

Bà LTH, sinh 1963. Địa chỉ: TK 3, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông NVX trình bày:

Ngày 18/3/2016 ông có cho vợ chồng ông QVN, bà QTK, địa chỉ: Bản CT, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL vay số tiền 150.000.000, đồng. Thời hạn trả ngày 30/3/2016 phải thanh toán trả cho ông số tiền trên, tài sản cầm cố là “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số sê ri V 050848, số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số: 00726 theo QĐ số 429 do Ủy ban nhân dân huyện ML, tỉnh SL cấp ngày 19/5/2003, mang tên QVN. Địa chỉ thửa đất: Bản CT, xã NP (nay thị trấn IO), huyện ML, tỉnh SL. Đến hạn ông QVN, bà QTK không trả được nợ, mặc dù ông đã đòi nhiều lần.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông NVX yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông QVN, bà QTK và chị QTO phải thanh toán trả số tiền là 150.000.000, đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và phải trả lãi theo quy định của pháp luật, thời gian tính lãi kể từ ngày 18/3/2016.

Nguyên đơn đưa ra tài liệu chứng cứ gồm: Một “hợp đồng cầm cố tài sản” ngày 18/3/2016.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn bà LTH trình bày: Bà đồng ý với ý kiến và yêu cầu của chồng bà ông NVX.

Bị đơn bà ông QVN, bà QTK trình bày:

Ông, bà không công nhận được vay tiền của ông NVX, thực chất là chị QTO (con gái hai ông bà) mượn “bìa đỏ” của hai vợ chồng để vay tiền của ông NVX, số tiền vay bao nhiêu ông bà không biết. Nay ông NVX yêu cầu ông QVN, bà QTK phải thanh toán trả số tiền là 150.000.000, đồng hai người không nhất trí. Ông QVN, bà QTK không công nhận được nhận tiền như ông NVX nói là giao tiền ở văn phòng công chứng, mà là con gái ông bà đến nhà ông NVX lấy lúc đó có mặt ông bà nhưng người đếm và nhận tiền là chị QTO. Ông bà yêu cầu xác minh đối với ông QVB là Công chứng viên – Văn phòng công chứng huyện ML vì cho rằng ông QVB biết sự việc.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn anh QVB con trai ông QVN, bà QTK trình bày đồng ý kiến với hai bị đơn và có yêu cầu ông NVX phải trả lại “bìa đỏ” cho gia đình anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị QTO trình bày: Chị công nhận cùng bố mẹ là ông QVN, bà QTK mang bìa đỏ đến văn phòng công chứng để được vay tiền của ông NVX và bà LTH. Thực chất chị là người vay, số tiền ông NVX cho chị vay là 150.000.000, đồng khi vay chị có mặt hai bố mẹ, chị là người nhận tiền. Đến nay chưa thanh toán trả cho ông NVX. Nay chị nhất trí thanh toán trả nợ cho ông NVX cả gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

Chị QTO trình bày về việc mượn lại giấy tờ: Sắp đến hạn trả nợ ông NVX có gọi cho chị vào nhà để yêu cầu trả tiền vay và nhất trí cho mượn lại giấy tờ và cho chị ghi vào phía sau của “Hợp đồng cầm cố tài sản”, ghi: Ngày 29/3/2016

chị QTO mượn hộ khẩu, 02 chứng minh thư của bố mẹ để đi làm thủ tục vay vốn Ngân hàng trả cho cô chú.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định. Về nội dung:

Căn cứ Điều 326, Điều 328, khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 309, Điều 310, Điều 463, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, khoản 9 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ buộc ông QVN, bà QTK và chị QTO phải thanh toán trả nợ cho ông NVX và bà LTH số tiền vay gốc là 150.000.000,đồng và lãi là 89.794.000,đồng. Tổng cộng là 239.794.000,đồng.

Ông NVX có trách nhiệm trả lại “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số sê ri V 050848, số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số: 00726 theo QĐ số 429 do Ủy ban nhân dân huyện ML, tỉnh SL cấp ngày 19/5/2003, mang tên QVN cho ông QVN, bà QTK.

Về án phí: Ông QVN, bà QTK là người cao tuổi cần miễn án phí cho hai ông bà theo quy định của pháp luật. Chị QTO phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu của ông NVX: Buộc ông QVN, bà QTK và chị QTO phải thanh toán trả số tiền gốc là 150.000.000, đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và phải trả lãi theo quy định của pháp luật, thời gian tính lãi kể từ ngày 18/3/2016.

Về số tiền vay là số tiền được ghi trong: “Hợp đồng cầm cố tài sản” ngày 18/3/2016 là 150.000.000, đồng. Có căn cứ xác nhận việc ông QVN, bà QTK và chị QTO đã nhận số tiền 150.000.000, đồng. Ông QVN, bà QTK không công nhận được vay tiền của ông NVX mà con gái hai ông bà chị QTO là người vay tiền. Hai ông bà công nhận có được đưa “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” tại Văn phòng công chứng. Và công nhận cùng chị QTO đến nhà ông NVX, bà LTH khi nhận tiền là chị QTO. Xét lời khai của ông QVN, bà QTK phù hợp với lời khai của chị QTO và của nguyên đơn.

Lời khai này của bốn người phù hợp với ý kiến của ông QVB, Công chứng viên – Văn phòng Công chứng ML là người được chứng thực “Hợp đồng cầm cố tài sản” ngày 18/3/2016. Xác nhận có việc ông QVN, bà QTK và ông NVX đến ký kết chứng thực, không có việc giao tiền ở văn phòng công chứng.

Bên cạnh đó phía sau của “Hợp đồng cầm cố tài sản” ông NVX cho chị QTO ghi: Ngày 29/3/2016 chị QTO mượn hộ khẩu, 02 chứng minh thư của bố mẹ để đi làm thủ tục vay vốn Ngân hàng trả cho cô chú. Như vậy có việc hứa hẹn và tìm phương án để trả nợ của chị QTO và ông NVX.

Từ những chứng cứ đã được phân tích đánh giá trên. Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 quy định: Bên cho vay giao tài sản cho bên vay. Trong trường hợp này ông NVX đã giao tiền 150.000.000, đồng cho chị QTO, ông QVN, bà QTK vay. Do đó đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông NVX yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông QVN, bà QTK và chị QTO phải thanh toán trả số tiền là 150.000.000, đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và phải trả lãi theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Có đủ căn cứ xác định ông QVN, bà QTK và chị QTO đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó có đủ căn cứ buộc ông QVN, bà QTK và chị QTO phải thanh toán trả số tiền nợ gốc là 150.000.000, đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Về lãi suất: Do đến hạn trả nợ ông QVN, bà QTK và chị QTO không trả nợ, ông NVX và bà LTH yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận lãi suất được tính như sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005 để xác định tính lãi, cụ thể: Từ ngày 18/3/2016 đến ngày 31/12/2016 là 09 tháng 13 ngày. Lãi suất được tính 9%/năm (Lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định) : 12 tháng = 0,75%/tháng;

Tiền gốc là 150.000.000, đồng x 0,75%= 1.125.000, đồng/1 tháng x là 09 tháng 13 ngày = 10.612.000, đồng (được làm tròn).

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi, cụ thể:

Lãi suất được tính 10%/năm : 12 tháng = 0,83% /tháng;

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 18/4/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 05 năm 03 tháng 18 ngày = 63 tháng 18 ngày.

Tiền gốc là 150.000.000, đồng x 0,83%= 1.245.000, đồng/1 tháng x 63 tháng 18 ngày = 79.182.000, đồng.

Như vậy ông QVN, bà QTK và chị QTO phải thanh toán trả nợ cho ông NVX và bà LTH:

Số tiền vay gốc là 150.000.000, đồng và lãi là 89.794.000, đồng. Tổng cộng là 239.794.000, đồng.

[3] Về yêu cầu của ông QVN, bà QTK và người đại diện ủy quyền của bị đơn anh QVB con trai ông QVN, bà QTK yêu cầu ông NVX phải trả lại “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” cho gia đình.

Xét “Hợp đồng cầm cố tài sản” ngày 18/3/2016 không phát sinh hiệu lực bởi lẽ: Tại Điều 2 khoản 1 của hợp đồng ghi: Tài sản cầm cố là “Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất” số sê ri V 050848, số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số: 00726 theo QĐ số 429 do Ủy ban nhân dân huyện ML, tỉnh SL cấp ngày 19/5/2003, mang tên QVN. Theo quy định của Điều 326 và 328 của Bộ luật dân sự 2005 thì đây không phải là tài sản và không phải là đối tượng cầm cố. Theo quy định của Điều 309 và 310 của Bộ luật dân sự 2015 thì đối tượng cầm cố là bất động sản phải được đăng ký, nhưng đến nay chưa được đăng ký. Do đó ông NVX có trách nhiệm trả lại “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số sê ri V 050848, số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số: 00726 theo QĐ số 429 do Ủy ban nhân dân huyện ML, tỉnh SL cấp ngày 19/5/2003, mang tên QVN cho ông QVN, bà QTK.

[4] Về án phí: Ông QVN, bà QTK là người cao tuổi cần miễn án phí cho hai ông bà theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Chị QTO phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326, Điều 328, khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 309, Điều 310, Điều 463, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, khoản 9 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Buộc ông QVN, bà QTK và chị QTO phải thanh toán trả nợ cho ông NVX và bà LTH số tiền vay gốc là 150.000.000,đồng và lãi là 89.794.000,đồng. Tổng cộng là 239.794.000,đồng (hai trăm ba mươi chín triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án”.

2. Ông NVX có trách nhiệm trả lại “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số sê ri V 050848, số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số: 00726 theo QĐ số 429 do Ủy ban nhân dân huyện ML, tỉnh SL cấp ngày 19/5/2003, mang tên QVN cho ông QVN, bà QTK.

3. Về án phí:

QTO phải chịu 11.989.000, đồng (mười một triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông NVX tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000, đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0000072 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 18/4/2022.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- Các đương sự (5);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn